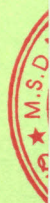


CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI
==== o0o =====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I – NĂM 2015

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

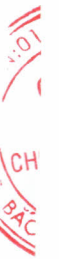


CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	02-04
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	06-07
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8-29



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		285.483.661.515	263.189.019.182
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	46.504.122.274	18.095.793.648
111	1. Tiền		4.059.122.274	6.498.793.648
112	2. Các khoản tương đương tiền		42.445.000.000	11.597.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	81.028.000.000	100.628.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		81.028.000.000	100.628.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.567.834.185	103.378.607.081
131	1. Phải thu của khách hàng		93.817.038.707	102.969.872.097
132	2. Trả trước cho người bán		1.588.192.046	1.303.295.774
135	5. Các khoản phải thu khác	5	1.244.544.219	187.379.997
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.081.940.787)	(1.081.940.787)
140	IV. Hàng tồn kho	6	59.856.911.140	39.782.872.337
141	1. Hàng tồn kho		59.856.911.140	39.782.872.337
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.526.793.916	1.303.746.116
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		480.894.433	384.757.564
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		532.904.428	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	2.013.738	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.510.981.317	918.988.552
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		380.256.992.950	371.285.674.159
220	II. Tài sản cố định		68.654.112.425	70.589.751.645
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	68.597.029.087	70.526.418.308
222	- Nguyên giá		152.424.393.302	152.289.916.533
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(83.827.364.215)	(81.763.498.225)
227	3. Tài sản cố định vô hình		57.083.338	63.333.337
228	- Nguyên giá		75.000.000	122.381.873
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.916.662)	(59.048.536)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	308.056.396.571	296.891.931.192
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		308.056.396.571	296.891.931.192
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.546.483.954	3.803.991.322
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.499.512.853	3.754.026.572
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	46.971.101	49.964.750
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		665.740.654.465	634.474.693.341

001
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 CHẾ
 TẠO
 ĐIỆN
 CƠ
 HÀ
 NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		94.844.361.242	76.063.749.778
310	I. Nợ ngắn hạn		87.886.667.954	71.659.232.373
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	11.242.000.000	11.229.600.000
312	2. Phải trả người bán		49.299.394.634	21.928.470.395
313	3. Người mua trả tiền trước		2.719.256.098	1.657.014.749
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	828.571.847	6.096.878.752
315	5. Phải trả người lao động		5.173.514.576	12.842.502.047
316	6. Chi phí phải trả	14	1.048.247.802	1.052.753.611
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	3.046.585.903	825.973.703
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		10.038.615.141	11.411.777.299
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.490.481.953	4.614.261.817
330	II. Nợ dài hạn		6.957.693.288	4.404.517.405
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		5.320.693.288	2.767.517.405
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.637.000.000	1.637.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		554.905.969.643	541.783.265.506
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	554.006.700.032	540.839.863.753
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.450.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.768.693	241.768.693
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.368.907.393	2.226.771.437
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.819.871.385	1.819.871.385
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		228.715.565.161	215.690.864.838
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		899.269.611	943.401.753
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		899.269.611	943.401.753
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		15.990.323.580	16.627.678.057
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		665.740.654.465	634.474.693.341

= 0 - 10 P AC A L =

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.706.210.146	3.706.210.146
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		382,89	382,89

Cao Thị Xiêm
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2015

745
TY
HẢI
DIỆ
NỘI
XIÊM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2015 VND	Quý 1 năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	89.226.597.440	96.726.049.621
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	130.123.150	1.960.516.656
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	89.096.474.290	94.765.532.965
11	4. Giá vốn hàng bán	20	77.844.983.351	79.338.112.286
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.251.490.939	15.427.420.679
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.098.300.147	61.614.794.092
22	7. Chi phí tài chính	22	168.868.628	264.419.945
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		168.868.628	264.419.945
24	8. Chi phí bán hàng	23	2.874.915.949	2.936.182.579
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.941.542.209	9.219.611.141
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.364.464.300	64.622.001.106
31	11. Thu nhập khác		293.448.000	363.540.246
32	12. Chi phí khác		27.397.152	-
40	13. Lợi nhuận khác		266.050.848	363.540.246
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		11.164.465.379	(49.002.422.206)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.794.980.527	15.983.119.146
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	625.505.076	839.749.344
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		2.993.649	(37.178.977)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.166.481.802	15.180.548.779
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		420.173.959	522.157.898
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>13.746.307.843</u>	<u>14.658.390.881</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	428	457

Cao Thị Xiêm
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2015 VND	Quý 1 năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		113.967.053.924	92.894.212.018
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(78.456.809.255)	(78.539.431.822)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(16.886.433.452)	(17.646.351.097)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(253.579.400)	(345.168.476)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.730.465.246)	(2.183.251.164)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.337.278.433	4.327.647.167
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.053.548.575)	(11.463.153.913)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.923.496.429	(12.955.497.287)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(134.476.769)	(611.489.547)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.900.000.000)	(36.945.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.500.000.000	22.875.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.013.558.966	59.890.889.175
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.479.082.197	45.209.399.628
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.377.600.000	4.616.400.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.365.200.000)	(8.609.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.650.000)	(2.579.536.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.750.000	(6.572.136.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong quý		28.408.328.626	25.681.766.341

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu quý		18.095.793.648	52.978.788.551
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối quý	3	46.504.122.274 -	78.660.554.892

Cao Thị Xiêm
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Quý 1 năm 2015***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 322.450.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 322.450.000.000 đồng; tương đương 32.245.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty liên kết của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2015 như sau:

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2015. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45	năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.17 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	221.896.186	361.868.970
Tiền gửi ngân hàng	3.837.226.088	6.136.924.678
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	42.445.000.000	11.597.000.000
	46.504.122.274	18.095.793.648

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm	71.028.000.000	90.628.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
	81.028.000.000	100.628.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	950.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	226.770.708	142.202.292
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	10.165.035	9.672.105
Phải thu khác	57.608.476	35.505.600
	1.244.544.219	187.379.997

00
G
PH
01
11
TIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.026.386.982	14.368.331.086
Công cụ, dụng cụ	501.637.771	657.103.158
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.089.918.019	3.354.159.178
Thành phẩm	25.435.571.423	20.438.166.153
Hàng hoá	803.396.945	965.112.762
	<u>59.856.911.140</u>	<u>39.782.872.337</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.013.738	-
	<u>2.013.738</u>	<u>-</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.395.689.000	803.869.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	115.292.317	115.119.552
	<u>1.510.981.317</u>	<u>918.988.552</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	64.270.165.202	70.912.206.747	15.527.553.908	1.579.990.676	152.289.916.533
Mua sắm	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	134.476.769	-	-	-	134.476.769
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	64.404.641.971	70.912.206.747	15.527.553.908	1.579.990.676	152.424.393.302
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	26.554.625.680	43.707.443.444	10.407.338.452	1.094.090.649	81.763.498.225
Trích khấu hao	536.594.329	1.180.515.806	308.437.497	38.318.358	2.063.865.990
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	27.091.220.009	44.887.959.250	10.715.775.949	1.132.409.007	83.827.364.215
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	37.715.539.522	27.204.763.303	5.120.215.456	485.900.027	70.526.418.308
Tại ngày 31/03/2015	37.313.421.962	26.024.247.497	4.811.777.959	447.581.669	68.597.029.087

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối quý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.429.595.034 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	308.056.396.571	296.891.931.192
Công ty TNHH SAS-CTAMAD	308.056.396.571	296.891.931.192
	<u>308.056.396.571</u>	<u>296.891.931.192</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.128.412.389	398.858.338
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	962.068.422
Chi phí tiền thuê đất phân bổ	2.371.100.464	2.393.099.812
	<u>3.499.512.853</u>	<u>3.754.026.572</u>

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.242.000.000	11.229.600.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ⁽¹⁾	900.000.000	1.150.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ⁽²⁾	100.000.000	100.000.000
Cán bộ công nhân viên ⁽³⁾	10.242.000.000	9.979.600.000
	<u>11.242.000.000</u>	<u>11.229.600.000</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm 02 hợp đồng vay vốn sau:

1.1 Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV/TCKT ngày 22/04/2014 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 20/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 700.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 6% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2015: 700.000.000 đồng.

1.2 Hợp đồng vay vốn số 02/2014/HĐVV/TCKT ngày 15/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 200.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 7% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2015: 200.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng vay vốn số 03/2014/HĐVV/TCKT ngày 27/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 7% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2015: 100.000.000 đồng.

(3) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	92.106.966	4.249.045.993
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	612.094.831	1.717.055.001
Thuế Thu nhập cá nhân	54.794.018	96.626.800
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	69.576.032	34.150.958
	828.571.847	6.096.878.752

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển	324.690.000	362.980.000
Chi phí lãi vay phải trả	180.810.850	265.521.622
Chi phí phải trả khác	542.746.952	424.251.989
	1.048.247.802	1.052.753.611

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	102.113.654	96.068.208
Bảo hiểm xã hội	629.730.502	107.868.144
Bảo hiểm y tế	29.267.276	14.852.924
Bảo hiểm thất nghiệp	12.946.214	6.619.239
Thu tiền đề tài Bơm làm mát 150 m3	-	99.510.000
Phải trả tiền khám sức khỏe	58.557.319	25.901.451
Phải trả tiền ký cược sách thư viện	244.841.500	244.145.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.850.000.000	-
Phải trả về bảo hộ lao động	71.020.000	71.020.000
Phải trả, phải nộp khác	48.109.438	159.988.737
	<u>3.046.585.903</u>	<u>825.973.703</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2015

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Quý 1 năm 2015							
Tại ngày 01/01/2015	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	2.226.771.437	1.819.871.385	215.690.864.838	540.839.863.753
Lãi/lỗ trong quý	-	-	-	-	-	13.746.307.843	13.746.307.843
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	142.135.956	-	(721.607.520)	(579.471.564)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	322.450.000.000	241.768.693 -	(1.589.412.600) -	2.368.907.393 -	1.819.871.385 -	228.715.565.161 -	554.006.700.032

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/03/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,84%	212.287.500.000	65,84%	212.287.500.000
Vốn góp của đối tượng khác	33,68%	108.606.200.000	33,68%	108.606.200.000
Cổ phiếu quỹ	0,48%	1.556.300.000	0,48%	1.556.300.000
	100%	322.450.000.000	100%	322.450.000.000

c) Cổ phiếu

	31/03/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.245.000	32.245.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.630	155.630
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.089.370	32.089.370
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.089.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.368.907.393	2.226.771.437
Quỹ dự phòng tài chính	1.819.871.385	1.819.871.385
	4.188.778.778	4.046.642.822

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1 năm 2015 VND	Quý 1 năm 2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm	34.469.034.755	54.229.156.467
Doanh thu bán hàng hóa	39.323.194.655	29.305.259.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.434.368.030	13.191.633.534
	89.226.597.440	96.726.049.621

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	130.123.150	1.960.516.656
	<u>130.123.150</u>	<u>1.960.516.656</u>

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	34.338.911.605	52.268.639.811
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	39.323.194.655	29.305.259.620
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.434.368.030	13.191.633.534
	<u>89.096.474.290</u>	<u>94.765.532.965</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

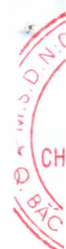
	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	27.015.965.273	40.721.585.234
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.751.859.290	28.820.893.042
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.077.158.788	9.795.634.010
	<u>77.844.983.351</u>	<u>79.338.112.286</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.098.300.147	914.794.092
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	60.700.000.000
	<u>1.098.300.147</u>	<u>61.614.794.092</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	168.868.628	264.419.945
	<u>168.868.628</u>	<u>264.419.945</u>



23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	128.760.257	283.358.156
Chi phí nhân công	408.636.084	435.346.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.517.455	81.773.678
Chi phí bảo hành	(1.175.507.462)	(982.821.551)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.020.802.000	1.543.098.690
Chi phí khác bằng tiền	2.416.707.615	1.575.426.871
	2.874.915.949	2.936.182.579

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	371.389.531	295.977.355
Chi phí nhân công	2.636.660.640	3.095.955.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	309.969.501	321.936.143
Thuế, phí, lệ phí	1.542.800	28.033.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.737.102	565.233.412
Chi phí khác bằng tiền	2.013.242.635	4.912.475.578
	5.941.542.209	9.219.611.141

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1 năm 2015	Quý 1 năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	625.505.076	839.749.344
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	625.505.076	839.749.344

10
CỔ
CỔ
ÉT
H
TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	46.971.101	49.964.750
	<u>46.971.101</u>	<u>49.964.750</u>

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Quý 1 năm 2015</u>	<u>Quý 1 năm 2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	13.746.307.843	14.658.390.881
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.746.307.843	14.658.390.881
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong quý	32.089.370	32.089.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>428</u>	<u>457</u>

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Quý 1 năm 2015</u>	<u>Quý 1 năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.736.872.771	37.770.036.039
Chi phí nhân công	10.967.065.254	12.111.553.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.099.724.614	1.937.057.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.849.509.161	2.715.353.556
Chi phí khác bằng tiền	4.011.111.905	6.829.425.484
	<u>61.664.283.705</u>	<u>61.363.426.194</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	46.504.122.274	-	18.095.793.648	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.061.582.926	(1.081.940.787)	103.157.252.094	(1.081.940.787)
Tiền gửi có kỳ hạn	81.028.000.000	-	100.628.000.000	-
	222.593.705.200	(1.081.940.787)	221.881.045.742	(1.081.940.787)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	11.242.000.000	11.229.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	52.345.980.537	22.754.444.098
Chi phí phải trả	1.048.247.802	1.052.753.611
	64.636.228.339	35.036.797.709

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/03/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.504.122.274	-	-	46.504.122.274
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.979.642.139	-	-	93.979.642.139
Tiền gửi có kỳ hạn	71.028.000.000	-	-	71.028.000.000
Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	221.511.764.413	-	-	221.511.764.413

745
TY
AN
HIEU
OI
-T

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2015				
Vay và nợ	11.242.000.000	-	-	11.242.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	52.345.980.537	-	-	52.345.980.537
Chi phí phải trả	1.048.247.802	-	-	1.048.247.802
	64.636.228.339	-	-	64.636.228.339

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quý, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Quý 1 năm 2015 VND	Quý 1 năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, khác			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	4.594.679.591	16.113.041.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	27.018.000.000	15.400.500.000
Công ty CP Thiết bị điện	(*)	1.255.409.091	-
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	(*)	-	1.998.420.000
Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	(*)	142.486.364	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	1.688.402.320	1.555.736.080
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	1.769.473.866	917.702.682
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	421.888.800	2.314.253.287
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	(*)	-	18.088.560
Công ty CP Thiết bị điện	(*)	26.900.000.000	15.140.000.000
Công ty CP Khí cụ điện I	(*)	99.752.700	296.999.615
Lãi cho vay phát sinh trong kỳ			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	150.000.000	-
Cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	-	58.800.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	27.261.846.278	40.502.125.486
Công ty CP Thiết bị điện	(*)	492.800.000	413.199.842
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	(*)	2.236.979.250	2.236.979.250
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	14.935.800.000	-
Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	(*)	264.303.240	107.568.240
Công ty CP chế tạo máy điện VN - Hungari	(*)	-	400.000.000
Phải thu tiền cho vay			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả tiền hàng			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	1.955.684.720	1.570.271.164
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	464.077.680	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	(*)	-	9.823.787.684
Công ty CP Khí cụ điện I	(*)	129.841.690	20.113.720
Công ty CP thiết bị điện	(*)	14.828.000.000	-

(*) Các công ty này và Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội đều là Công ty con của Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2015

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Cao Thị Xiêm
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2015